

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**  
**Lô 03-9A Cụm TTCN Hai Bà Trưng – Hoàng Văn Thụ - Hoàng Mai – Hà Nội**  
-----o0o-----

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **QUÝ II NĂM 2012**

*Báo cáo tài chính bao gồm:*

- 1. Bảng cân đối kế toán*
- 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Theo phương pháp trực tiếp)*
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính.*

**HÀ NỘI - 2012**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

ĐVT: VND

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	6/30/2012	1/1/2012
<b>100</b>	<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>232,881,742,520</b>	<b>266,285,536,748</b>
<b>110</b>	<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>493,251,085</b>	<b>2,380,853,745</b>
111	1	Tiền	3	493,251,085	2,380,853,745
<b>120</b>	<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>868,100,000</b>	<b>639,790,000</b>
	1	Đầu tư ngắn hạn		1,352,900,000	1,372,190,000
	2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(484,800,000)	(732,400,000)
<b>130</b>	<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>185,785,834,974</b>	<b>196,924,628,130</b>
131	1	Phải thu của khách hàng		127,763,221,373	99,218,690,190
132	2	Trả trước cho người bán		7,486,700,169	12,893,305,824
133	3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
135	5	Các khoản phải thu khác	4	50,703,044,570	84,979,763,254
	6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(167,131,138)	(167,131,138)
<b>140</b>	<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>43,037,721,195</b>	<b>59,434,238,620</b>
141	1	Hàng tồn kho	5	43,037,721,195	61,739,870,922
149	2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		0	(2,305,632,302)
<b>150</b>	<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2,696,835,266</b>	<b>6,906,026,253</b>
151	1	Chi phí trả trước ngắn hạn		314,920,746	287,890,529
152	2	Thuế GTGT được khấu trừ		2,466,121	35,094,877
153	3	Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước		-	-
158	5	Tài sản ngắn hạn khác		2,379,448,399	6,583,040,847
<b>200</b>	<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>132,913,637,136</b>	<b>134,043,883,027</b>
<b>220</b>	<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>25,361,253,902</b>	<b>26,374,251,903</b>
221	1	Tài sản cố định hữu hình	6	11,235,206,949	10,003,264,290
222	-	Nguyên giá		22,500,901,278	20,245,174,004
223	-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(11,265,694,329)	(10,241,909,714)
227	3	Tài sản cố định vô hình	7	9,168,563,636	9,168,563,636
228	-	Nguyên giá		9,179,063,636	9,179,063,636
229	-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(10,500,000)	(10,500,000)
230	4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	4,957,483,317	7,202,423,977
<b>250</b>	<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	9	<b>107,000,000,000</b>	<b>107,000,000,000</b>
252	1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
	2	Đầu tư vào công ty con		107,000,000,000	107,000,000,000
<b>260</b>	<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>552,383,234</b>	<b>669,631,124</b>
261	1	Chi phí trả trước dài hạn	10	552,383,234	669,631,124
262	2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
<b>270</b>		<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>365,795,379,656</b>	<b>400,329,419,775</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

( Tiếp theo )

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN		Thuyết minh	6/30/2012	1/1/2012
<b>300</b>	<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>67,014,296,780</b>	<b>101,125,995,725</b>
<b>310</b>	<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>66,940,905,451</b>	<b>101,046,704,396</b>
311	1	Vay và nợ ngắn hạn	11	34,043,566,983	71,402,274,776
312	2	Phải trả người bán		24,697,703,974	22,396,997,456
313	3	Người mua trả tiền trước		342,215,913	340,085,757
314	4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2,355,543,986	993,472,446
315	5	Phải trả người lao động		231,990,698	965,071,854
316	6	Chi phí phải trả	13	205,376,830	394,863,363
319	9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	455,343,853	371,975,530
323	11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4,609,163,214	4,181,963,214
<b>330</b>	<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>73,391,329</b>	<b>79,291,329</b>
333	3	Phải trả dài hạn khác		57,770,306	63,670,306
336	6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		15,621,023	15,621,023
<b>400</b>	<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>298,781,082,876</b>	<b>299,203,424,050</b>
<b>410</b>	<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	15	<b>298,781,082,876</b>	<b>299,203,424,050</b>
411	1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		199,999,930,000	199,999,930,000
412	2	Thặng dư vốn cổ phần		78,067,482,550	78,067,482,550
414	4	Cổ phiếu quỹ		(22,910,999,000)	(22,910,999,000)
416	6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			102,541,928
417	7	Quỹ dự đầu tư phát triển		23,636,988,069	13,636,988,069
418	8	Quỹ dự phòng tài chính		543,171,326	10,543,171,326
420	10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19,444,509,931	19,764,309,177
<b>430</b>	<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
431	1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
<b>439</b>	<b>C</b>	<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>			<b>365,795,379,656</b>	<b>400,329,419,775</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	Thuyết minh	6/30/2012	1/1/2012
5	Ngoại tệ các loại - USD	51,832.66	255,553.71

Người lập



Hà Thị Hải

Kế toán trưởng



Trương Thị Thu Hiền



Nguyễn Tuấn Hiền

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
**Quý II năm 2012**

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý II/2012	Quý II/2011	Lũy kế Quý II/2012	Lũy kế Quý II/2011
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	208,295,708,279	299,307,514,129	381,519,143,436	560,786,245,654
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		208,295,708,279	299,307,514,129	381,519,143,436	560,786,245,654
11	4 Giá vốn hàng bán	17	203,759,752,815	290,457,578,438	373,064,036,539	542,189,342,389
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4,535,955,464	8,849,935,691	8,455,106,897	18,596,903,265
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	18	219,732,309	25,623,231,101	1,038,388,929	25,883,954,773
22	7 Chi phí tài chính	19	1,756,884,690	7,160,137,067	3,534,188,316	12,410,245,369
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1,300,140,196	7,148,103,568	3,240,656,903	10,560,790,907
24	8 Chi phí bán hàng		666,513,346	704,366,488	1,121,541,624	1,374,989,760
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		2,172,623,065	1,817,615,750	4,226,276,556	3,447,193,345
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		159,666,672	24,791,047,487	611,489,330	27,248,429,564
31	11 Thu nhập khác		2,636,936	886,896,775	2,768,197	979,886,851
32	12 Chi phí khác		30,353,650	74,259,629	434,056,773	607,934,488
40	13 Lợi nhuận khác		(27,716,714)	812,637,146	(431,288,576)	371,952,363
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		131,949,958	25,603,684,633	180,200,754	27,620,381,927
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	-	299,806,641	-	803,980,965
60	17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		131,949,958	25,303,877,992	180,200,754	26,816,400,962

Người lập



Hà Thị Hải

Kế toán trưởng



Trương Thị Thu Hiền



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Thep phương pháp trực tiếp)  
 Quý II năm 2012

*ĐVT: VNĐ*

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Luỹ kế Quý II/ 2012	Luỹ kế Quý II/ 2011
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		247,524,017,927	426,842,066,831
02	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(250,802,337,055)	(371,612,216,268)
03	3 Tiền chi trả cho người lao động		(2,330,545,511)	(2,333,845,391)
04	4 Tiền chi trả lãi vay		(3,400,714,803)	(11,283,577,463)
05	5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(939,677,504)	(1,236,450,000)
06	6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		74,975,637,231	9,200,000
07	7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(70,517,154,218)	(166,450,000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(5,490,773,933)</b>	<b>40,218,727,709</b>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3,402,360)	-
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			90,909,091
23	3 Tiền chi cho vay, mua các CC của đơn vị khác		(7,134,990,000)	(2,500,000,000)
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị		7,302,280,000	
26	6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		40,957,745,890	1,901,088,107
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>41,121,633,530</b>	<b>(508,002,802)</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(8,849,197,000)
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		45,333,413,011	100,328,374,396
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(82,851,875,268)	(121,452,292,404)
35	5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(18,993,273,000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(37,518,462,257)</b>	<b>(48,966,388,008)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(1,887,602,660)</b>	<b>(9,255,663,101)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>2,380,853,745</b>	<b>10,919,714,622</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>3</b>	<b>493,251,085</b>	<b>1,664,051,521</b>

Người lập



Hà Thị Hải

Kế toán trưởng



Trương Thị Thu Hiền



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

### **1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thương mại.

Trụ sở của Công ty tại: Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

**Các chi nhánh tại thời điểm 30/06/2012, bao gồm:**

#### **Tên chi nhánh**

#### **Địa chỉ**

- |  |   |
|--|---|
| - CN Công ty CP SX và TM Phúc tiến tại Đức Giang | Tổng kho KK HN số 109/53 Đức Giang - Long Biên - HN |
|--|---|

**Các công ty con tại thời điểm 30/06/2012, bao gồm:**

#### **Tên công ty**

#### **Địa chỉ**

- |  |   |
|--|---|
| - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên | Thôn Nghĩa Trai, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên |
|--|---|

- |                                    |  |
|------------------------------------|--|
| - Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng | Thôn Bắc Hà, Xã Bắc Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng |
|------------------------------------|--|

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất và kinh doanh thương mại.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000545 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 05 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 16 tháng 08 năm 2011, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu là vật tư, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất công, nông nghiệp, xây dựng và ngành nước);
- Sửa chữa, lắp đặt và bảo hành các sản phẩm công ty kinh doanh;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành xây dựng;
- Sản xuất tấm lợp kim loại, sản xuất cấu kiện thép hình, khung nhà tiền chế;
- Mua bán nguyên liệu nhựa và sản xuất các sản phẩm nhựa phục vụ xây dựng, sản xuất và tiêu dùng;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Dịch vụ vận chuyển, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường), chợ và siêu thị;
- Kinh doanh bất động sản (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Mua bán ô tô, phụ tùng ô tô, dịch vụ sửa chữa ô tô và vận tải hành khách;
- Sản xuất, buôn bán đồ gỗ nội thất;
- Cho thuê văn phòng.

## **2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 15 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
- Thiết bị văn phòng	02 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí lãi vay trong năm là: 0%.

### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập; chi phí trước hoạt động
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được chia cho các nhà đầu tư thông qua đại hội đồng cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của đại hội cổ đông thường niên.

#### **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế trong kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này.

Từ năm 2009, việc xử lý các khoản đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ được ghi nhận theo Thông tư số 201/2009/TT - BTC ngày 15/10/2009 của Bộ tài Chính

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

<b>3 TIỀN</b>	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	5,156,000	1,555,000
Tiền gửi ngân hàng	488,095,085	2,379,298,745
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>493,251,085</b>	<b>2,380,853,745</b>
<b>4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN</b>	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	1,352,900,000	1,372,190,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(484,800,000)	(732,400,000)
<b>Cộng</b>	<b>868,100,000</b>	<b>639,790,000</b>
<b>5 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC</b>	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu lợi nhuận được chia từ công ty con	40,249,950,952	80,603,950,952
Phải thu Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	8,339,750,000	1,800,000,000
Tiền thu về tiền gốc cho vay	2,040,500,000	2,500,000,000
Các khoản phải thu khác	72,843,618	75,812,302
<b>Cộng</b>	<b>50,703,044,570</b>	<b>84,979,763,254</b>
<b>6 HÀNG TỒN KHO</b>	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	31,839,793,598	34,890,245,291
Thành phẩm	-	-
Hàng hoá	11,197,927,597	26,849,625,631
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(2,305,632,302)
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>43,037,721,195</b>	<b>59,434,238,620</b>
<b>7 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	1,277,827,345	1,278,811,933
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	1,101,621,054	5,304,228,914
<b>Cộng</b>	<b>2,379,448,399</b>	<b>6,583,040,847</b>

**8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Đơn vị tính: VND
						Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>2,878,011,151</b>	<b>5,724,460,334</b>	<b>11,529,575,793</b>	<b>113,126,726</b>	-	<b>20,245,174,004</b>
<b>2. Số tăng trong kỳ</b>	-	-	<b>2,255,727,274</b>	-	-	<b>2,255,727,274</b>
- Mua sắm mới	-	-	2,255,727,274	-	-	2,255,727,274
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
<b>3. Số giảm trong kỳ</b>	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>2,878,011,151</b>	<b>5,724,460,334</b>	<b>13,785,303,067</b>	<b>113,126,726</b>	-	<b>22,500,901,278</b>
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>						
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>1,178,784,504</b>	<b>5,388,729,703</b>	<b>3,579,307,920</b>	<b>95,087,587</b>	-	<b>10,241,909,714</b>
<b>2. Số tăng trong kỳ</b>	<b>85,013,724</b>	<b>3,541,992</b>	<b>931,962,499</b>	<b>3,266,400</b>	-	<b>1,023,784,615</b>
- Trích khấu hao	85,013,724	3,541,992	931,962,499	3,266,400	-	1,023,784,615
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
<b>3. Số giảm trong kỳ</b>	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>1,263,798,228</b>	<b>5,392,271,695</b>	<b>4,511,270,419</b>	<b>98,353,987</b>	-	<b>11,265,694,329</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Đầu kỳ</b>	1,699,226,647	335,730,631	7,950,267,873	18,039,139	-	<b>10,003,264,290</b>
<b>2. Cuối kỳ</b>	<b>1,614,212,923</b>	<b>332,188,639</b>	<b>9,274,032,648</b>	<b>14,772,739</b>	-	<b>11,235,206,949</b>

**9 TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số dư đầu năm	9,168,563,636	10,500,000	9,179,063,636
2. Số tăng trong năm	-	-	-
- Mua sắm mới	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	9,168,563,636	10,500,000	9,179,063,636
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>			
1. Số dư đầu năm	-	10,500,000	10,500,000
2. Số tăng trong năm	-	-	-
- Trích khấu hao	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	10,500,000	10,500,000
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Đầu năm	9,168,563,636	-	9,168,563,636
2. Cuối năm	9,168,563,636	-	9,168,563,636

**10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4,957,483,317	7,202,423,977
- Công trình đền lừ	4,726,696,703	4,726,696,703
- Xây dựng xưởng Hải Phòng	20,000,000	20,000,000
- Công trình Lai cách-Hải Dương	200,000,000	200,000,000
- Mua ô tô	-	2,255,727,274
- Sửa chữa văn phòng tại 309 Tam Trinh	10,786,614	-
<b>Cộng</b>	<b>4,957,483,317</b>	<b>7,202,423,977</b>

**11 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>107,000,000,000</b>	<b>107,000,000,000</b>
- Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	80,000,000,000	80,000,000,000
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	27,000,000,000	27,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>107,000,000,000</b>	<b>107,000,000,000</b>

**12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	281,196,160	439,801,322
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	271,187,074	229,829,802
<b>Cộng</b>	<b>552,383,234</b>	<b>669,631,124</b>

**13 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	34,043,566,983	71,402,274,776
- Vay ngân hàng	29,330,143,696	70,130,630,824
- Vay các tổ chức khác	-	-
- Vay cá nhân	4,713,423,287	1,271,643,952
<b>Cộng</b>	<b>34,043,566,983</b>	<b>71,402,274,776</b>

**14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2,332,930,055	24,572,445
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	939,677,504
Thuế TNCN	22,613,931	29,222,497
<b>Cộng</b>	<b>2,355,543,986</b>	<b>993,472,446</b>

**15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	205,376,830	365,434,730
Trích trước chi phí phải trả khác	-	29,428,633
<b>Cộng</b>	<b>205,376,830</b>	<b>394,863,363</b>

**16 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	7,302,464	7,212,374
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	290,770,650	290,770,650
Tiền mua cổ phần phát hành thêm của công ty	-	-
Phải trả phải nộp khác	157,270,739	73,992,506
Phải thu khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>455,343,853</b>	<b>371,975,530</b>

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>199,999,930,000</b>	<b>78,067,482,550</b>	<b>(22,910,999,000)</b>	<b>102,541,928</b>	<b>13,636,988,069</b>	<b>10,543,171,326</b>	<b>19,764,309,177</b>	<b>299,203,424,050</b>
Tăng vốn trong kỳ						-	-	-
Lãi/lỗ trong kỳ	-						180,200,754	180,200,754
Lãi từ công ty con								-
Điều chuyển quỹ					10,000,000,000	(10,000,000,000)		-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi							(500,000,000)	(500,000,000)
Mua cổ phiếu quỹ			-					-
Tặng khác	-						-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-			(102,541,928)			-	(102,541,928)
Lỗ trong năm nay	-						-	-
Giảm khác	-							-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>199,999,930,000</b>	<b>78,067,482,550</b>	<b>(22,910,999,000)</b>	<b>-</b>	<b>13,636,988,069</b>	<b>543,171,326</b>	<b>19,444,509,931</b>	<b>298,781,082,876</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
Vốn góp của đối tượng khác	100.00%	199,999,930,000	100.00%	199,999,930,000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>199,999,930,000</b>	<b>100%</b>	<b>199,999,930,000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	199,999,930,000	199,999,930,000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>199,999,930,000</i>	<i>199,999,930,000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>		-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>199,999,930,000</i>	<i>199,999,930,000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	29,890,432,800
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	<i>18,993,273,000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	<i>10,897,159,800</i>

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	23,636,988,069	13,636,988,069
Quỹ dự phòng tài chính	543,171,326	10,543,171,326
<b>Cộng</b>	<b>24,180,159,395</b>	<b>24,180,159,395</b>

**18 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý II/2012	Quý II/2011
Doanh thu hàng hoá, thành phẩm	208,085,754,641	299,221,077,764
Doanh thu cung cấp dịch vụ	209,953,638	86,436,365
<b>Cộng</b>	<b>208,295,708,279</b>	<b>299,307,514,129</b>

**19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý II/2012	Quý II/2011
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá	203,759,752,815	290,457,578,438
<b>Cộng</b>	<b>203,759,752,815</b>	<b>290,457,578,438</b>

**20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý II/2012	Quý II/2011
Doanh thu hoạt động tài chính	219,732,309	25,623,231,101
<b>Cộng</b>	<b>219,732,309</b>	<b>25,623,231,101</b>

**21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Quý II/2012	Quý II/2011
Chi phí tài chính	1,756,884,690	7,160,137,067
Trong đó: Chi phí lãi vay	1,300,140,196	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	125,847,112	
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(247,600,000)	
Chi phí tài chính khác	578,497,382	
<b>Cộng</b>	<b>1,756,884,690</b>	<b>7,160,137,067</b>

**22 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Quý II/2012</u>	<u>Quý II/2011</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành.	-	299,706,641
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>299,706,641</b>

**23 THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ**

Lợi nhuận trước thuế	131,949,958	
Số lỗ kỳ trước còn lại là	(2,436,097,770)	
Lỗ được chuyển quý II là	131,949,958	
Chi phí thuế TNDN phải nộp quý I là	0	
	<u>Quý II/2012</u>	<u>Quý II/2011</u>
Tổng lợi nhuận sau thuế	131,949,958	25,303,877,992

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý II/2012 giảm so với quý II/2011 nguyên nhân chủ yếu là các lý do sau:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ quý II/2012 giảm so với quý II/2011 là 4.313.980.227 đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính quý II/2012 giảm 25.403.498.792 đồng vì quý II/2011 Công ty con nộp về Công ty mẹ là 25.000.000.000 đồng, quý II/2012 chưa có phần lợi nhuận Công ty con chuyển về

Người lập

Hà Thị Hải

Kế toán trưởng

Trương Thị Thu Hiền

